

## BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2016

Theo báo cáo kết quả kinh doanh quý 4 năm 2016 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của quý 4 năm 2016 như sau:

### I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

#### a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu (A)	Quý 4 năm 2016 (1)	Quý 4 năm 2015 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Doanh thu nước	243,475,305,897	215,831,991,992	27,643,313,905	112.81%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7,831,097,565	4,941,848,875	2,889,248,690	158.46%
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>251,306,403,462</b>	<b>220,773,840,867</b>	<b>30,532,562,595</b>	<b>113.83%</b>

#### b. Thuyết minh:

Doanh thu thuần bán hàng quý 4 năm 2016 tăng so với quý 4 năm 2015 là 30.532.562.595 đồng, tỷ lệ tăng 113.83% do:

1. Sản lượng nước tiêu thụ quý 4 năm 2016 tăng so với quý 4 năm 2015 là 2.734.298 m<sup>3</sup>, tỷ lệ tăng 111.49% => doanh thu tăng 25.072.601.227 đồng

2. Giá bán bình quân quý 4 năm 2016 tăng 124 đồng/m<sup>3</sup>, tăng 101.37% so với quý 4 năm 2015 => doanh thu 2.950.177.248 đồng

3. Doanh thu cung cấp dịch vụ quý 4 năm 2016 tăng so với quý 4 năm 2015 là 2.889.248.690 đồng, tỷ lệ tăng 158.46%.

### II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

#### a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu (A)	Quý 4 năm 2016 (1)	Quý 4 năm 2015 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán nước	216,270,421,140	215,418,220,749	852,200,391	100.40%
Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ	3,699,520,559	4,167,531,462	(468,010,903)	88.77%
<b>Cộng</b>	<b>219,969,941,699</b>	<b>219,585,752,211</b>	<b>384,189,488</b>	<b>100.17%</b>

Trong đó chi tiết giá vốn nước:

Chỉ tiêu (A)	Quý 4 năm 2016 (1)	Quý 4 năm 2015 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Chi phí nguyên vật liệu – nước sạch	127,946,465,276	185,843,158,419	(57,896,693,143)	68.85%
Chi phí nhân công	22,668,268,288	17,378,104,913	5,290,163,375	130.44%
Chi phí khấu hao tài sản	10,450,596,978	9,959,811,295	490,785,683	104.93%
Chi phí thuê tài sản hoạt động	26,250,780,523	3,390,424,240	22,860,356,283	774.26%
Chi phí gắn đồng hồ nước	19,035,297,552	(6,185,802,137)	25,221,099,689	-307.73%
Chi phí thay đồng hồ nước	6,540,986,869	1,570,481,918	4,970,504,951	416.50%
Chi phí chống thất thoát nước	1,050,798,267	540,564,949	510,233,318	194.39%
Chi phí cải tạo ống mục	-	1,392,577,234	(1,392,577,234)	0.00%
Chi phí đầu nối	-	30,927,294	(30,927,294)	0.00%
Chi phí sửa bể	1,446,863,772	1,030,067,219	416,796,553	140.46%
Chi phí khác	880,363,615	467,905,405	412,458,210	188.15%
<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b>216,270,421,140</b>	<b>215,418,220,749</b>	<b>852,200,391</b>	<b>100.40%</b>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	0	0	-	
<b>Giá vốn đã cung cấp</b>	<b>216,270,421,140</b>	<b>215,418,220,749</b>	<b>852,200,391</b>	<b>100.40%</b>

#### b. Thuyết minh

Giá vốn trong quý 4 năm 2016 so với quý 4 năm 2015 tăng 852.200.391 đồng, tỷ lệ tăng 100.40% do :

1. Chi phí mua si nước sạch giảm 57.896.693.143 đồng, tỷ lệ giảm 31% do

Giá mua si nước sạch quý 4 2016 giảm 1.621 đồng/m<sup>3</sup>, tỷ lệ giảm 29.5% làm cho giá vốn mua si nước sạch giảm 54.663.257.368 đồng

2. Chi phí nhân công tăng 5.290.163.375 đồng, tỷ lệ tăng 130.44% do doanh thu tăng 30.532.562.595 đồng, tỷ lệ tăng doanh thu 113.83%

3. Chi phí thuê TSCĐ hoạt động tăng 22.860.356.283 đồng, tỷ lệ tăng 774.26%

4. Chi phí gán ĐHN tăng 25.221.099.689 đồng.

5. Chi phí thay ĐHN tăng 4.970.504.951 đồng, tỷ lệ tăng 416.5%

6. Chi phí sửa bể tăng 416.796.553 đồng, tỷ lệ tăng 140.46%

7. Chi phí chống thất thoát nước tăng 510.233.318 đồng, tỷ lệ tăng 194.39%

### III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

#### a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	3,612,610,364	2,358,964,722	1,253,645,642	153.14%
Chi phí công cụ dụng cụ	201,415,359	285,763,634	(84,348,275)	70.48%
Chi phí khấu hao	183,664,002	124,813,305	58,850,697	147.15%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	408,820,238	272,829,632	135,990,606	149.84%
<b>Cộng</b>	<b>4,406,509,963</b>	<b>3,042,371,293</b>	<b>1,364,138,670</b>	<b>144.84%</b>

#### b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng quý 4 năm 2016 tăng so với quý 4 năm 2015 là 1.364.138.670 đồng, tỷ lệ tăng 144.84% do :

1. Chi phí nhân công tăng 1.253.645.642 đồng, tỷ lệ tăng 153.14% do doanh thu tăng 30.532.562.595 đồng, tỷ lệ tăng doanh thu 113.83%

2. Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác tăng 135.990.606 đồng, tỷ lệ 149.84%

### IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ

#### a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	8,856,182,269	6,788,012,265	2,068,170,004	130.47%
Chi phí công cụ dụng cụ	967,503,812	168,637,251	798,866,561	573.72%
Chi phí khấu hao	953,212,168	719,193,385	234,018,783	132.54%
Thuế, tiền thuê đất	3,537,898,800	16,623,422	3,521,275,378	21282.61%
Dự phòng	788,204,812	39,611,908	748,592,904	1989.82%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	3,830,642,794	2,096,562,550	1,734,080,244	182.71%
<b>Cộng</b>	<b>18,933,644,655</b>	<b>9,828,640,781</b>	<b>9,105,003,874</b>	<b>192.64%</b>

#### b. Thuyết minh:

Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4 năm 2016 tăng so với quý 4 năm 2015 là 9.105.003.874 đồng, tỷ lệ tăng 192.64% do:

1. Chi phí nhân công tăng 2.068.170.004 đồng, tỷ lệ tăng 130.47% do doanh thu tăng 30.532.562.595 đồng, tỷ lệ tăng doanh thu 113.83%

2. Chi phí KHTSCĐ tăng 234.018.783 đồng, tỷ lệ tăng 132.54%

3. Chi phí công cụ dụng cụ tăng 798.866.561 đồng, tỷ lệ tăng 573.72%

4. Tiền thuê đất tăng 3.521.275.378 đồng, tỷ lệ tăng 2182.61% (truy thu tiền thuê đất từ năm 2007 đến 2016, theo thông báo của Chi Cục Thuế Quận 5)

5. Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác tăng 1.734.080.244 đồng, tỷ lệ tăng 182.71%



## V. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

### a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	794,253,333	1,324,001,626	(529,748,293)	59.99%
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	28,709,822	28,094,014	615,808	102.19%
<b>Cộng</b>	<b>822,963,155</b>	<b>1,352,095,640</b>	<b>(529,132,485)</b>	<b>60.87%</b>

### b. Thuyết minh:

Lãi tiền gửi ngân hàng quý 4 năm 2016 giảm so với quý 4 năm 2015 là 529.132.485 đồng, tỷ lệ giảm 59%. Do quý 4 năm 2016, lượng tiền gửi có kỳ hạn thấp hơn so với quý 4 năm 2015

## VI. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

### a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi vay	237,530,677	306,096,226	(68,565,549)	77.60%
<b>Cộng</b>	<b>237,530,677</b>	<b>306,096,226</b>	<b>(68,565,549)</b>	<b>77.60%</b>

### b. Thuyết minh:

Chi phí hoạt động tài chính quý 4 năm 2016 giảm so với quý 4 năm 2015 là 68.565.549 đồng, tỷ lệ giảm 22.5% do quý 4 năm 2016, số dư nợ gốc thấp hơn so với quý 4 năm 2015

## VII. THU NHẬP KHÁC

### a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Thu hồ sơ mời thầu	5,454,546	13,636,365	(8,181,819)	40.00%
Thu tiền KH đầu tư ống cái	837,394,889	530,921,313	306,473,576	157.72%
Thu tiền bồi thường di dời	-	31,932,846,000	(31,932,846,000)	0.00%
Thu khác	53,898,840	17,876,301	36,022,539	301.51%
<b>Cộng</b>	<b>896,748,275</b>	<b>32,495,279,979</b>	<b>(31,598,531,704)</b>	<b>2.76%</b>

### b. Thuyết minh:

Thu nhập khác của quý 4 năm 2016 giảm so với quý 4 năm 2015 là 31.598.531.704 đồng, tỷ lệ giảm 97% do quý 4 năm 2016, Công ty không có khoản thu tiền bồi thường của các công trình bồi thường di dời đường ống cấp nước.

Ngoài ra, thu nhập từ khách hàng về việc đầu tư ống cái quý 4 năm 2016 tăng so với quý 4 năm 2015 là 306.473.576 đồng, tỷ lệ tăng 157.72%

## IX. CHI PHÍ KHÁC

### a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí hồ sơ mời thầu	38,370,982	25,833,581	12,537,401	
GTCL của TSCĐ thanh lý		3,328,546,674	(3,328,546,674)	
Chi phí di dời hệ thống cấp nước		841,010,281	(841,010,281)	
Chi phí đầu tư ống cái không hoàn lại	1,633,787,552	150,524,808	1,483,262,744	1085.39%
Chi phí khác	25,177,131		25,177,131	
<b>Cộng</b>	<b>1,697,335,665</b>	<b>4,345,915,344</b>	<b>(2,648,579,679)</b>	<b>39.06%</b>

### b. Thuyết minh:

Chi phí khác của quý 4 năm 2016 giảm so với quý 4 năm 2015 là 2.648.579.679 đồng, tỷ lệ giảm 61% chủ yếu là do:

- Chi phí thanh lý tài sản cũ giảm 3.328.546.674 đồng
- Chi phí di dời hệ thống cấp nước giảm 841.010.281 đồng
- Chi phí đầu tư ống cái tăng 1.483.262.744 đồng, tỷ lệ tăng 1085.39%

**IX. LỢI NHUẬN:***a. Phân tích chỉ tiêu:*

Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN gồm:	7,781,152,233	17,512,444,631	(9,731,292,398)	44.43%
Thuế TNDN phải nộp 2015	2,999,462,799	2,941,932,760	57,530,039	101.96%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4,781,689,434	14,570,511,871	(9,788,822,437)	32.82%

*b. Thuyết minh:*

Qua phân tích các chỉ tiêu doanh thu - chi phí nêu trên thì lợi nhuận trước thuế của quý 4 năm 2016 giảm so với lợi nhuận của quý 4 năm 2015 là 9.731.292.398 đồng, tỷ lệ giảm 56% và lợi nhuận sau thuế giảm 9.788.822.437 đồng, tỷ lệ giảm 67%

LẬP BIỂU



VŨ THỊ NHƯ QUỲNH

K/TOÁN TRƯỞNG



LẠI THỊ THU

Quận 5, ngày 10 tháng 01 năm 2017

GIÁM ĐỐC



LÊ TRỌNG HIẾU



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

97 PHẠM HỮU CHÍ P.12 Q.5

ĐT: 38552354 - FAX: 39550424

\*\*\*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ IV NĂM 2016**



**NĂM 2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>139,920,518,383</b>	<b>96,309,233,900</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>45,747,754,515</b>	<b>55,240,656,991</b>
1. Tiền	111		19,947,754,515	5,440,656,991
2. Các khoản tương đương tiền	112		25,800,000,000	49,800,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14,315,394,240</b>	<b>16,915,027,028</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	5,410,796,469	3,266,712,815
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6,631,939,166	11,051,177,249
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4,425,842,752	4,284,513,478
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2,153,184,147)	(1,687,376,514)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>69,533,436,015</b>	<b>16,205,554,599</b>
Hàng tồn kho	141	V.7	69,533,436,015	16,205,554,599
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10,323,933,613</b>	<b>7,947,995,282</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2,167,298,469	1,231,533,332
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8,156,635,144	6,716,461,950
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>316,280,604,998</b>	<b>309,279,089,557</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>165,608,583</b>	<b>112,343,501</b>
Phải thu dài hạn khác	218	V.5b	165,608,583	112,343,501
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>240,416,015,921</b>	<b>219,394,000,337</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	239,978,579,253	219,161,799,034
Nguyên giá	222		666,082,581,898	609,244,763,723
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(426,104,002,645)	(390,082,964,689)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	437,436,668	232,201,303
Nguyên giá	228		3,964,186,666	3,440,946,666
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,526,749,998)	(3,208,745,363)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>14,400,075,773</b>	<b>19,245,739,006</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	14,400,075,773	19,245,739,006
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>8,330,000</b>	<b>8,330,000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8,330,000	8,330,000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>61,290,574,721</b>	<b>70,518,676,713</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	61,290,574,721	70,518,676,713
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>456,201,123,381</b>	<b>405,588,323,457</b>

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>246,740,513,455</b>	<b>194,258,365,654</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>220,580,242,709</b>	<b>164,552,404,038</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	146,911,954,847	56,477,339,535
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	3,926,930,272	1,437,322,226
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	16,369,438,252	10,035,201,600
4. Phải trả người lao động	314		14,878,385,985	12,195,488,475
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	15,165,279,026	64,157,915,986
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	18,847,213,384	15,619,696,967
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	2,199,169,755	2,502,862,548
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.18	2,281,871,188	2,126,576,701
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>26,160,270,746</b>	<b>29,705,961,616</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	20,660,321,417	22,006,842,532
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	5,499,949,329	7,699,119,084
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>209,460,609,926</b>	<b>211,329,957,803</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>209,460,609,926</b>	<b>211,329,957,803</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		130,000,000,000	130,000,000,000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>130,000,000,000</i>	<i>130,000,000,000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		57,386,667,692	51,992,092,191
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		22,073,942,234	29,337,865,612
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>7,764,953,688</i>	<i>1,730,953,020</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>14,308,988,546</i>	<i>27,606,912,592</i>
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>456,201,123,381</b>	<b>405,588,323,457</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2017



**LÊ TRỌNG HIẾU**  
Giám đốc

**LẠI THỊ THU**  
Kế toán trưởng

**VŨ THỊ NHƯ QUỲNH**  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 4 năm 2016

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm	
			2016	2015	2016	2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	251,460,577,318	220,859,993,870	974,452,463,927	853,328,002,350
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		154,173,856	86,149,003	502,094,283	226,949,094
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		251,306,403,462	220,773,844,867	973,950,369,644	853,101,053,256
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	219,969,941,699	219,585,752,211	907,466,937,300	815,551,034,864
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31,336,461,763	1,188,092,656	66,483,432,344	37,550,018,392
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	822,963,155	1,352,095,640	1,911,967,312	3,555,991,197
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	237,530,677	306,096,226	1,044,933,161	1,334,514,732
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>237,530,677</i>	<i>306,096,226</i>	<i>1,044,933,161</i>	<i>1,334,514,732</i>
8 Chi phí bán hàng	25	VI.5	4,406,509,963	3,042,371,293	12,783,405,221	10,297,663,925
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	18,933,644,655	9,828,640,781	38,355,934,069	24,893,620,357
10 Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8,581,739,623	(10,636,920,004)	16,211,127,205	4,580,210,575
11 Thu nhập khác	31		896,748,275	32,495,279,979	3,100,126,823	33,917,072,715
12 Chi phí khác	32		1,697,335,665	4,345,915,344	2,002,802,683	4,417,680,206
13 Lãi/(lỗ) khác	40	VI.7	(800,587,390)	28,149,364,635	1,097,324,140	29,499,392,509
14 Tổng lãi kế toán trước thuế	50		7,781,152,233	17,512,444,631	17,308,451,345	34,079,603,084
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	2,999,462,799	2,941,932,760	2,999,462,799	6,472,690,493
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17 Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4,781,689,434	14,570,511,871	14,308,988,546	27,606,912,591
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	368	1,121	1,101	2,124
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2017

**LÊ TRỌNG HIẾU**  
Giám đốc

  
**LẠI THỊ THU**  
Kế toán trưởng

  
**VŨ THỊ NHƯ QUỲNH**  
Người lập biểu



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

**MẪU B 03-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2016	Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17,308,451,345	34,079,603,085
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		43,548,577,656	38,069,835,473
- Các khoản dự phòng	03		465,807,633	39,611,908
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,911,967,312)	(31,954,420,928)
- Chi phí lãi vay	06		1,044,933,161	1,334,514,732
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn động	08		60,455,802,483	41,569,144,270
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		607,664,656	(4,499,206,648)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(53,327,881,416)	(3,074,964,963)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		55,090,997,714	42,951,227,729
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8,292,336,855	(70,353,870,589)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1,044,933,161)	(1,334,514,732)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2,941,932,760)	(9,078,756,867)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		62,000,000	46,030,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5,685,041,936)	(6,222,278,809)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>61,509,012,435</b>	<b>(9,997,190,609)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(59,913,873,278)	(19,712,581,676)
- Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	10,330,367,000
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(25,800,000,000)	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		25,800,000,000	47,600,000,000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,944,689,535	3,858,312,861
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(57,969,183,743)</b>	<b>42,076,098,185</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
- Tiền trả nợ gốc vay	34		(2,502,862,548)	(3,123,786,161)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10,529,868,620)	(14,249,051,022)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(13,032,731,168)</b>	<b>(17,372,837,183)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(9,492,902,476)</b>	<b>14,706,070,393</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>55,240,656,991</b>	<b>40,534,586,598</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>45,747,754,515</b>	<b>55,240,656,991</b>



LÊ TRỌNG HIẾU  
Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

LẠI THỊ THU  
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH  
Người lập biểu

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2016**

**MẪU B 09-DN**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất lần thứ nhất ngày 02 tháng 06 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 05 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 223/2010/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 13.000.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 130.000.000.000 VND. Ngày 11 tháng 01 năm 2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CLW.

• **Vốn điều lệ** : 130.000.000.000 VND

Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Số 97 đường Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-08) 3 9552 354

Fax : (84-08) 3 9550 424

Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

**2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại

**3. Ngành, nghề kinh doanh :**

Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn).



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## **Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công);

Xây dựng công trình cấp nước;

Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

Lập dự án;

Thẩm tra thiết kế;

Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;

Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;

Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;

Đại lý ký gửi hàng hóa.

### **4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **5. Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 452 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 416 người).

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính năm 2016 thuộc kỳ kế toán thứ 10 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản tài sản dài hạn khác.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, khoản phải trả người bán và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán nước sạch.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Khoản phải thu về lãi tiền gửi và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Công nợ được trích lập dự phòng theo hướng dẫn theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn 3 năm.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## 7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	03 - 06
Phương tiện truyền dẫn	05 - 10

## 8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện toàn bộ chi phí cần thiết liên quan đến việc đầu tư, xây dựng, cải tạo ống mục, phát triển mạng lưới phục vụ cho mục đích kinh doanh của Công ty chưa hoàn hành tại thời điểm lập Báo cáo.

## 10. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

Chi phí trả trước thể hiện khoản chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên, chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cải tạo ống mục và chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí gắn mới và thay đồng hồ nước định kỳ, chi phí cải tạo ống mục được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng làm việc, được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm

## 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cô tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả bồi thường, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

## 12. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

### *Cơ cấu vốn chủ sở hữu*

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 77, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### **Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động kinh doanh của Công ty lũy kế đến thời điểm lập Báo cáo.

#### **Phân phối lợi nhuận thuần**

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty.  
Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.
- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
  - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
  - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

### **13. Ghi nhận doanh thu**

#### Doanh thu bán nước sạch

Doanh thu được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### Lãi tiền gửi ngân hàng



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### 14. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 15. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### 16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Năm nay là năm thứ 8 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

#### 18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Tiền mặt	60.789.338	9.821.995
Tiền gửi ngân hàng	19.886.965.176	5.430.834.996
Các khoản tương đương tiền	25.800.000.000	49.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>45.747.754.515</u></b>	<b><u>55.240.656.991</u></b>

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khách hàng liên quan đến ngành nước	5.410.796.469	2.153.184.147	3.266.712.815	1.364.979.335
<b>Cộng</b>	<b><u>5.410.796.469</u></b>	<b><u>2.153.184.147</u></b>	<b><u>3.266.712.815</u></b>	<b><u>1.364.979.335</u></b>

Trong đó phải thu ngắn hạn khách hàng là bên liên quan:

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	3.098.176.588	4.824.731
<b>Cộng</b>	<b><u>3.098.176.588</u></b>	<b><u>4.824.731</u></b>

### 3. Trả trước người bán ngắn hạn

Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	460.117.360	530.176.060
Công ty CP Cơ Khí Công Trình Cấp Nước	42.842.836	42.842.836
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.614.682.386	1.614.682.386
Công ty TNHH XDBCN & Đường Ông Hoàng Thăng	810.821.820	810.821.820
Công ty CP Đầu tư Vạn Phúc Hưng		491.261.854
Công ty QL CTGT Sài Gòn		146.817.731
Công ty CP Xây dựng số 5		2.674.701.596
Công ty TNHH TMXD KT Cơ Điện Toàn Cầu		2.040.421.722
Công ty TNHH DV TM TK Thành Mỹ	.	322.088.250
Công ty TNHH MTV TMDV & KT Ánh Sáng Việt		1.255.928.710
Công ty TNHH TM XD Việt Long	1.744.566.842	
Công ty TNHH MTV Bá Đức	804.000.000	
Nhà cung cấp khác	1.154.907.922	1.121.434.284
<b>Cộng</b>	<b><u>6.631.939.166</u></b>	<b><u>11.051.177.249</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**Trong đó trả trước người bán ngắn hạn là bên liên quan:**

Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	460.117.360	530.176.060
<b>Cộng</b>	<b>460.117.360</b>	<b>530.176.060</b>

### 4. Phải thu khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>4.425.842.752</b>	-	<b>4.284.513.478</b>	<b>322.397.179</b>
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.979.831.246	-	2.907.196.636	-
Phải thu về khoản cho mượn vật tư - Các phòng ban Công ty cổ phần Cấp Nước Chợ Lớn	782.896.675	-	937.765.459	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	33.583.333	-	66.305.556	-
Phải thu khác	607.506.416	-	345.221.745	322.397.179
Tạm ứng	22.025.082	-	28.024.082	-
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>	<b>165.608.583</b>	-	<b>112.343.501</b>	-
Ký quỹ dài hạn	165.608.583	-	112.343.501	-
<b>Cộng</b>	<b>4.591.451.335</b>	-	<b>4.396.856.979</b>	<b>322.397.179</b>

**Trong đó phải thu ngắn hạn khác là bên liên quan:**

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.979.831.246	2.907.196.636
<b>Cộng</b>	<b>2.979.831.246</b>	<b>2.907.196.636</b>

### 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	3.787.697.080	1.634.512.933	2.153.184.147	2.735.661.841	1.370.682.506	1.364.979.335
Phải thu ngắn hạn khác	-	-	-	322.397.179	-	322.397.179
<b>Cộng</b>	<b>3.787.697.080</b>	<b>1.634.512.933</b>	<b>2.153.184.147</b>	<b>3.058.059.020</b>	<b>1.370.682.506</b>	<b>1.687.376.514</b>

### 6. Hàng tồn kho

	31/12/2016	01/01/2016
Nguyên vật liệu	20.603.608.651	12.100.016.476
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	48.929.827.363	4.105.538.123
<b>Cộng</b>	<b>69.533.436.015</b>	<b>16.205.554.599</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 7. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>2.167.298.469</b>	<b>1.231.533.332</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	1.434.698.469	486.333.332
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	732.600.000	745.200.000
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>61.290.574.721</b>	<b>70.518.676.713</b>
Chi phí sửa chữa văn phòng, kho	1.831.022.168	691.903.531
Chi phí khấu hao TSCĐ nhận bàn giao từ Tổng công ty cấp nước Sài Gòn từ các năm trước		122.667.030
Gắn đồng hồ nước theo Nghị Định 117	55.429.235.963	55.956.976.215
Công trình cải tạo ống mục	707.997.447	9.759.654.597
Thay đồng hồ nước	3.322.319.143	3.987.475.340
<b>Cộng</b>	<b><u>63.457.873.190</u></b>	<b><u>71.750.210.045</u></b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Phương tiện, vận tải truyền dẫn</b>	<b>Dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Tại ngày 01/01/2016	238.574.000	1.591.052.486	593.371.660.418	14.043.476.819	609.244.763.723
2. Tăng trong kỳ	29.000.000.000	31.200.000	31.382.134.521	3.822.961.990	64.236.296.511
<i>Mua sắm mới</i>	-	31.200.000	-	3.822.961.990	3.854.161.990
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	29.000.000.000	-	31.382.134.521	-	60.382.134.521
<i>Tăng theo quyết toán</i>	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	238.574.000	619.970.000	6.539.934.336	-	7.398.478.336
<i>Thanh lý</i>	238.574.000	619.970.000	-	-	858.544.000
<i>Giảm theo quyết toán</i>	-	-	6.539.934.336	-	6.539.934.336
<b>4. Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>29.000.000.000</b>	<b>1.002.282.486</b>	<b>618.213.860.603</b>	<b>17.866.438.809</b>	<b>666.082.581.898</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1. Tại ngày 01/01/2016	238.555.998	1.474.523.037	380.467.601.745	7.902.283.910	390.082.964.690
2. Tăng trong kỳ	579.999.999	51.343.133	39.991.674.146	2.607.555.742	43.230.573.020
3. Giảm trong kỳ	238.574.000	619.970.000	6.350.991.065	-	7.209.535.065
<i>Thanh lý</i>	238.574.000	619.970.000	6.350.991.065	-	7.209.535.065
<b>4. Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>579.981.997</b>	<b>905.896.170</b>	<b>414.108.284.826</b>	<b>10.509.839.652</b>	<b>426.104.002.645</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày 01/01/2016	18.002	116.529.449	212.904.058.673	6.141.192.909	219.161.799.034
<b>2. Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>28.420.018.003</b>	<b>96.386.316</b>	<b>204.105.575.777</b>	<b>7.356.599.157</b>	<b>239.978.579.253</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng, chi tiết:

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Phương tiện, vận tải truyền dẫn</b>	<b>Dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
Tại ngày 01/01/2016	238.574.000	1.319.886.486	220.337.250.774	2.297.041.795	224.192.753.055
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	-	<b>786.666.486</b>	<b>225.400.326.453</b>	<b>4.013.459.710</b>	<b>230.200.452.649</b>

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm quản lý	Cộng TSCĐ vô hình
<b>I. Nguyên giá</b>		
1. Tại ngày 01/01/2016	3.440.946.666	3.440.946.666
2. Tăng trong kỳ	523.240.000	523.240.000
<i>Do mua sắm</i>	<i>523.240.000</i>	<i>523.240.000</i>
3. Giảm trong kỳ	-	-
<b>4. Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>3.964.186.666</b>	<b>3.964.186.666</b>
<b>II. Hao mòn lũy kế</b>		
1. Tại ngày 01/01/2016	3.208.745.363	3.208.745.363
2. Tăng trong kỳ	318.004.635	318.004.635
3. Giảm trong kỳ	-	-
<b>4. Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>3.526.749.998</b>	<b>3.526.749.998</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
1. Tại ngày 01/01/2016	232.201.303	232.201.303
<b>2. Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>437.436.668</b>	<b>437.436.668</b>
<b>Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</b>		
Tại ngày 01/01/2016	2.787.446.666	2.787.446.666
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>3.275.946.666</b>	<b>3.275.946.666</b>

**10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2016	01/01/2016
Sửa chữa di dời nhà làm việc	-	7.833.443.562
Công trình di dời đường ống	3.189.364.576	3.947.673.882
Công trình chống thất thoát nước	1.362.079.922	308.420.207
Công trình cải tạo ống mục	14.779.517	2.863.212.681
Công trình đầu tư ống cái	1.435.349.942	1.420.449.071
Công trình phát triển mạng lưới	8.398.501.816	2.872.539.603
<b>Cộng</b>	<b>14.400.075.773</b>	<b>19.245.739.006</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	88.405.486.335	55.138.494.438
Công ty TNHH CTCTN&HT Đ.Thị M.A.T	38.392.980	238.751.944
Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	74.106.992	251.612.154
Công ty Cổ Phần Xây dựng số 5	2.909.598.399	-
Doanh nghiệp tư nhân Thảo Tín Vũ	1.080.544.967	-
Công ty Cổ Phần Đầu tư Minh Hòa	2.445.907.640	-
Công ty TNHH XD TM KT Cơ Điện Toàn Cầu	-	-
Nhà cung cấp khác	51.957.917.531	848.480.999
<b>Cộng</b>	<b>146.911.954.844</b>	<b>56.477.339.535</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### Trong đó phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan:

Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	88.405.486.335	55.138.494.438
<b>Cộng</b>	<b>88.405.486.335</b>	<b>55.138.494.438</b>

### 12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	49.999.839	49.999.839
Truy thu tiền thất thoát nước	442.165.985	298.145.395
Tạm thu chi phí thiết kế ống ngầm	123.372.270	106.872.270
Ban Quản Lý Dự Án Cải tạo Kênh Ba Bò	55.460.510	610.065.610
Khu quản lý giao thông đô thị số 1	3.076.871.000	
Các khách hàng khác	179.060.668	372.239.112
<b>Cộng</b>	<b>3.926.930.272</b>	<b>1.437.322.226</b>

### Trong đó người mua trả tiền trước ngắn hạn là bên liên quan:

Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	49.999.839	49.999.839
<b>Cộng</b>	<b>49.999.839</b>	<b>49.999.839</b>

### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2016
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.941.932.760	2.999.462.799	2.941.932.760	2.999.462.799
Thuế thu nhập cá nhân	185.284.438	1.678.394.892	1.450.111.683	413.567.647
Các loại thuế khác	6.907.984.402	104.474.639.151	98.426.215.747	12.956.407.806
- Thuế bảo vệ môi trường	6.907.984.402	100.933.020.351	98.422.495.747	9.418.509.006
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Tiền thuê đất	-	3.537.898.800	-	3.537.898.800
- Thuế khác	-	720.000	720.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.035.201.600</b>	<b>109.152.496.842</b>	<b>102.818.260.190</b>	<b>16.369.438.252</b>

#### • Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng
  - + Cung cấp nước : 5 %
  - + Lắp đặt, di dời đồng hồ và các dịch vụ khác : 10%

#### • Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh số VI.8.

#### • Các khoản thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	15.011.166.176	35.383.747.148
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo nghị định 117	-	27.131.148.697
Trích trước chi phí TLMD	-	1.508.738.651
Thù lao HĐQT	108.000.000	108.000.000
Chi phí khác	46.112.850	26.281.490
<b>Cộng</b>	<b><u>15.165.279.026</u></b>	<b><u>64.157.915.986</u></b>

## 15. Phải trả khác

<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>18.847.213.384</b>	<b>15.619.696.967</b>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	7.944.490.980	11.695.848.413
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	150.000.000	68.000.000
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	116.790.044	6.884.766
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	3.823.012.123	2.871.100.397
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	221.737.177	5.394.988
Cổ tức phải trả cho cổ đông	825.223.336	955.091.956
Các khoản phải trả khác	5.765.959.724	17.376.447
<b>b) Phải trả dài hạn khác</b>	<b>20.660.321.417</b>	<b>22.006.842.532</b>
Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước (*)	20.660.321.417	22.006.842.532
<b>Cộng</b>	<b><u>39.507.534.801</u></b>	<b><u>37.626.539.499</u></b>

(\*) Số dư khoản phải trả dài hạn khác là khoản vốn ứng để gắn đồng hồ nước của khách hàng theo các hợp đồng phát triển ống cái cấp 3 thời hạn hoàn trả trong 10 năm.

**Trong đó phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan:**

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	7.944.490.980	11.695.848.413
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	150.000.000	68.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>7.944.490.980</u></b>	<b><u>11.695.848.413</u></b>

## 16. Vay và nợ tài chính

	<u>01/01/2016</u>	<u>Vay trong kỳ</u>	<u>Trả trong kỳ</u>	<u>31/12/2016</u>
<b>a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>2.502.862.548</b>	-	<b>2.502.862.548</b>	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	2.502.862.548	-	2.502.862.548	-
+ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (i)	2.502.862.548	-	2.502.862.548	-
<b>b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>7.699.119.084</b>	-	-	<b>7.699.119.084</b>
+ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (i)	7.699.119.084	-	-	7.699.119.084
<b>Cộng</b>	<b><u>10.201.981.632</u></b>	-	<b><u>2.502.862.548</u></b>	<b><u>7.699.119.084</u></b>

(i) Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn theo các hợp đồng sau



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 
- [1] - Hợp đồng vay : Số Hợp đồng 1390/HĐVV- TCT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008  
+ Hạn mức vay : 1.666.800.000 VND  
+ Thời hạn trả nợ gốc : Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Mỗi kỳ 46.300.000 VND  
+ Lãi vay : 8,4%/năm  
+ Thời hạn vay : 10 năm  
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.  
Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
- [2] - Hợp đồng vay : Số Hợp đồng 1388/HĐVV - CT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008  
+ Hạn mức vay : 5.688.000.000 VND  
+ Thời hạn trả nợ gốc : Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Mỗi kỳ 158.000.000 VND  
+ Lãi vay : 8,4%/năm  
+ Thời hạn vay : 10 năm  
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.  
Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
- [3] - Hợp đồng vay : Số Hợp đồng 4742/HĐVV - TCT - KTTC ngày 11 tháng 11 năm 2009  
+ Hạn mức vay : 705.845.000 VND  
+ Thời hạn trả nợ gốc : Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Từ kỳ 1 tới kỳ 35 19.606.805 VND, kỳ 36 trả 19.606.825 VND  
+ Lãi vay : 8,4%/năm  
+ Thời hạn vay : 10 năm  
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.  
+ Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- [4] - Hợp đồng vay : Số Hợp đồng 2363/HĐVV - TCT - KTTC ngày 05 tháng 08 năm 2010  
+ Hạn mức vay : 108.942.413 VND  
+ Thời hạn trả nợ gốc : Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Từ kỳ 1 tới kỳ 35 3.026.178 VND, kỳ 36 trả 3.026.183 VND  
+ Lãi vay : 8,4%/năm  
+ Thời hạn vay : 10 năm  
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.  
+ Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- [5] - Hợp đồng vay : Số 3703/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012  
+ Hạn mức vay : 2.555.536.000 VND  
+ Thời gian ân hạn : 1 năm  
+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc : Chia 36 kỳ ( 3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 35 là 70.987.000 VND; Kỳ 36 là 70.991.000 VND)  
+ Lãi vay : 11,4%/ năm  
+ Thời hạn vay : 10 năm  
+ Kỳ hạn thanh toán lãi : 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý  
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.  
+ Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
-

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

[6]	- Hợp đồng vay	Số 3710/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012
	+ Hạn mức vay	5.239.758.000 VND
	+ Thời gian ân hạn	1 năm
	+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc	Thanh toán trong 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ)
	+ Lãi vay	11,4%/ năm
	+ Thời hạn vay	10 năm
	+ Kỳ hạn thanh toán lãi	3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý
	+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
	+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay
[7]	- Hợp đồng vay	Số 3702/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012
	+ Hạn mức vay	8.155.804.000 VND
	+ Thời gian ân hạn	1 năm
	+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc	Chia 36 kỳ ( 3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 35 là 226.550.000 VND; Kỳ 36 là 226.554.000 VND)
	+ Lãi vay	11,4%/ năm
	+ Thời hạn vay	10 năm
	+ Kỳ hạn thanh toán lãi	3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý
	+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
	+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay

Khoản vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Trong vòng 1 năm	2.199.169.755	2.502.862.548
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	5.070.577.398	6.406.633.426
Sau 5 năm	429.371.931	1.292.485.658
<b>Cộng</b>	<u>7.699.119.084</u>	<u>10.201.981.632</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(2.199.169.755)</u>	<u>(2.502.862.548)</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u><b>5.499.949.329</b></u>	<u><b>7.699.119.084</b></u>

## 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2016	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Sử dụng các quỹ trong kỳ	Tăng khác	31/12/2016
Quỹ khen thưởng	1.453.477.511	2.549.870.877	2.321.670.000	62.000.000	1.743.678.388
Quỹ phúc lợi	673.099.190	2.549.870.877	2.684.777.267	-	538.192.800
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	-	678.594.669	678.594.669	-	-
<b>Cộng</b>	<u>2.126.576.701</u>	<u>5.778.336.423</u>	<u>5.685.041.936</u>	<u>62.000.000</u>	<u>2.281.871.188</u>



**18. Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Tại ngày 01/01/2015	130.000.000.000	46.441.673.683	27.058.751.483	203.500.425.166
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	27.606.912.592	27.606.912.592
Trích lập quỹ ĐTPT	-	5.550.418.508	(5.550.418.508)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.477.379.955)	(5.477.379.955)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(14.300.000.000)	(14.300.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>51.992.092.191</b>	<b>29.337.865.612</b>	<b>211.329.957.803</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	14.308.988.546	14.308.988.546
Trích lập quỹ ĐTPT	-	5.394.575.501	(5.394.575.501)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	(10.400.000.000)	(10.400.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>57.386.667.692</b>	<b>22.073.942.234</b>	<b>209.460.609.926</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 số **0304797806** ngày 16 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 130.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2		31/12/2016	01/01/2016
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	2,31	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng Thương mại CP Đông Á	2.766.520.000	2,13	2.766.520.000	2.766.520.000
Công ty Đầu Tư tài chính Nhà Nước Tp. HCM	3.005.000.000	2,31	3.005.000.000	3.005.000.000
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	66.304.000.000	51,00	66.304.000.000	66.304.000.000
Các cổ đông khác	54.924.480.000	42,25	54.924.480.000	54.924.480.000
<b>Cộng</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**  
 Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Cổ phiếu**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 số 43/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 04 năm 2016 như sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Quỹ đầu tư phát triển	5.394.575.501	5.550.418.508
Quỹ khen thưởng	2.549.870.877	2.434.391.091
Quỹ phúc lợi	2.549.870.877	2.434.391.091
Quỹ ban điều hành	678.594.669	608.597.773
Chia cổ tức	10.400.000.000	14.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>21.572.911.924</u></b>	<b><u>25.327.798.463</u></b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu thuần**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Doanh thu thuần cung cấp nước	952.740.240.009	835.351.434.272
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	21.210.129.635	17.749.618.984
<b>Cộng</b>	<b><u>973.950.369.644</u></b>	<b><u>853.101.053.256</u></b>

**Trong đó doanh thu với bên liên quan là:**

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	5.908.710.950	1.141.424.108
<b>Cộng</b>	<b><u>5.908.710.950</u></b>	<b><u>1.141.424.108</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn cung cấp nước	894.068.240.801	804.980.646.578
Giá vốn cung cấp dịch vụ	13.398.696.500	10.570.388.286
<b>Cộng</b>	<b><u>907.466.937.297</u></b>	<b><u>815.551.034.864</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## **Chi tiết giá vốn theo yếu tố :**

### **Giá vốn theo yếu tố kinh doanh nước sạch**

Chi phí nguyên liệu, vật liệu - nước sạch	693.455.488.124	664.433.768.304
Chi phí nguyên liệu, vật liệu khác	4.262.718.511	4.501.812.214
Chi phí nhân công	67.473.066.318	58.102.370.476
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.467.579.865	36.131.149.596
Chi phí thuê tài sản hoạt động	33.362.737.726	6.971.462.129
Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	47.266.599.835	26.021.989.973
Chi phí chống thất thoát nước	1.542.075.837	1.805.053.034
Chi phí cải tạo ống mục	4.223.474.488	4.632.045.156
Chi phí sửa bể	1.081.845.073	860.020.554
Chi phí khác	1.932.655.023	1.520.975.142
<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b>894.068.240.801</b>	<b>804.980.646.578</b>
<b>Giá vốn cung cấp nước</b>	<b>894.068.240.801</b>	<b>804.980.646.578</b>

### **Giá vốn cung cấp dịch vụ**

Chi phí nguyên vật liệu	9.302.693.179	7.197.989.374
Chi phí khác _ nhân công tái lập mặt đường -Thuế ngoài	3.946.070.337	3.525.621.817
<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b>13.248.763.516</b>	<b>10.723.611.191</b>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	153.222.905	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ	3.289.921	153.222.905
<b>Giá vốn dịch vụ</b>	<b>13.398.696.500</b>	<b>10.570.388.286</b>

## **3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.741.821.777	3.437.944.394
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	170.145.535	117.764.503
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	282.300
<b>Cộng</b>	<b>1.911.967.312</b>	<b>3.555.991.197</b>

## **4. Chi phí tài chính**

Lãi vay	1.044.933.161	1.334.514.732
<b>Cộng</b>	<b>1.044.933.161</b>	<b>1.334.514.732</b>

## **5. Chi phí bán hàng**

Chi phí nhân viên bán hàng	10.136.582.025	7.967.449.892
Chi phí công cụ, dụng cụ	597.474.927	419.715.756
Chi phí khấu hao	559.310.024	434.016.042
Chi phí bằng tiền khác	1.490.038.245	1.476.482.235
<b>Cộng</b>	<b>12.783.405.221</b>	<b>10.297.663.925</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nhân viên	19.707.771.441	16.499.648.760
Chi phí vật liệu quản lý	36.428.999	135.753.991
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.927.183.861	443.133.773
Chi phí khấu hao	3.644.354.796	1.689.575.681
Thuế, phí và lệ phí	3.626.516.568	66.265.691
Chi phí dự phòng giảm giá	788.204.812	39.611.908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	370.286.370	452.929.998
Chi phí bằng tiền khác	8.255.187.221	5.566.700.555
<b>Cộng</b>	<b>38.355.934.069</b>	<b>24.893.620.357</b>

## 7. Lãi/ (lỗ) thuần từ hoạt động khác

<b>Thu nhập khác</b>	<b>3.100.126.823</b>	<b>33.917.072.715</b>
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	163.636.380	199.090.929
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	2.767.582.294	1.513.627.241
Tiền bồi thường di dời hệ thống cấp nước		32.150.709.593
Thanh lý TSCĐ	52.272.727	
Thu nhập khác	116.635.422	53.644.952
<b>Chi phí khác</b>	<b>2.002.802.683</b>	<b>4.417.680.206</b>
Chi phí hồ sơ mời thầu	44.670.982	44.674.270
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	-	3.752.279.862
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ống cái	1.911.227.067	(1.087.339.579)
Chi phí bồi thường, di dời	-	1.166.520.487
Chi phí khác	46.904.634	541.545.166
<b>Lãi/ (lỗ) thuần từ hoạt động khác</b>	<b>1.097.324.140</b>	<b>29.499.392.509</b>

## 8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>17.308.451.345</b>	<b>34.079.603.084</b>
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	7.532.659.919	(4.640.032.336)
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	9.775.791.426	38.719.635.421
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:</b>	-	<b>654.547.128</b>
<b>Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm</b>	-	-
<b>Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng</b>	-	<b>654.547.128</b>
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	41%	45%
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>17.308.451.345</b>	<b>(2.956.359.566)</b>
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi	3.081.516.472	(1.783.054.838)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	4.451.143.447	(2.202.430.370)
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	9.775.791.426	38.719.635.421
<b>Thuế suất áp dụng</b>		
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	5%	5%

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Đối với hoạt động kinh doanh không được ưu đãi	20%	20%
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>2.999.462.799</b>	<b>7.641.513.047</b>
<b>Thuế TNDN giảm theo biên bản thanh tra thuế</b>	<b>-</b>	<b>(1.168.822.554)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>2.999.462.799</b>	<b>6.472.690.493</b>

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau : Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009..

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2016 thuộc năm thứ 8 Công ty được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước, tuy nhiên Công ty không có thu nhập chịu thuế nên không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

### 9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

#### a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
<b>Lợi nhuận (lãi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	14.308.988.546	27.606.912.591
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
<b>Lợi nhuận (lãi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>14.308.988.546</b>	<b>27.606.912.591</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.101</b>	<b>2.124</b>

### 10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	693.455.488.124	664.433.768.304
Chi phí nhân công	13.550.386.690	11.794.921.573
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.317.419.784	82.569.478.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.671.244.685	38.192.502.503
Chi phí bằng tiền khác	110.461.804.325	53.751.648.638
<b>Cộng</b>	<b>958.456.343.606</b>	<b>850.742.319.146</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2016	Năm 2015
Cổ tức chưa thanh toán	825.223.336	955.091.956
Lãi tiền gửi còn dự thu	33.583.333	66.305.556

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	66.305.556	302.321.664
Cổ tức năm trước được chi trả trong kỳ này	10.529.868.620	115.476.892

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

#### Bên liên quan

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn  
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh  
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước

#### Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)  
Công ty cùng tập đoàn  
Công ty cùng tập đoàn

Trong kỳ, Công ty có phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
<b>Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn</b>		
Mua hàng hóa (nước sạch)	693.453.271.427	664.433.768.304
Mua vật tư	37.038.259.728	42.910.887.840
Thuê tài sản hoạt động	35.663.299.464	7.033.700.945
Lãi vay phải trả	760.003.653	1.334.514.732
Phải trả do thu hộ và tiền dịch vụ khác	5.600.000	
Phải thu do chi hộ	215.879.630	237.314.160
Phải thu do cung cấp dịch vụ	5.908.710.950	1.141.424.108
<b>Công ty Công trình giao Thông Công Chánh</b>		
Phải trả ký quỹ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng	120.000.000	-
Phải thu do cung cấp dịch vụ	2.268.000	-
<b>Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước</b>		
Phải trả phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tự thiết kế, tư vấn giám sát công trình	117.435.187	73.006.660

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
<b>Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn</b>		
Phải thu thương mại	3.098.176.588	4.824.731
Phải thu các khoản chi hộ	2.979.831.246	2.907.196.636
Phải trả thương mại	(88.405.486.335)	(55.138.494.438)
Phải trả phí thực hiện công trình XD CB, gia công đồng hồ nước	(7.944.490.980)	(11.695.848.413)
Phải trả tiền vay	<u>(7.699.119.084)</u>	<u>(10.201.981.632)</u>
<b>Công ty Công trình giao Thông Công Chánh</b>		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(150.000.000)	(68.000.000)
Phải trả tiền ứng trước cung cấp dịch vụ	<u>(49.999.839)</u>	<u>(49.999.839)</u>
<b>Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước</b>		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tự thiết kế, tư vấn giám sát công trình	<u>460.117.360</u>	<u>530.176.060</u>

### Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Tiền lương	1.571.398.800	1.528.488.000
Các khoản bảo hiểm phải trả	57.516.810	44.306.816
<b>Cộng</b>	<u><b>1.628.915.610</b></u>	<u><b>1.572.794.816</b></u>

## 2. Thông tin về bộ phận

### Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

### Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (thành phố Hồ Chí Minh).

## 3. Công cụ tài chính

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại các Thuyết minh số V.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của chủ đầu tư (bao gồm vốn đầu tư chủ sở hữu và lãi lũy kế).



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## **Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

## **Các loại công cụ tài chính**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.747.754.515	45.747.754.515	55.240.656.991	55.240.656.991
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.257.612.322	3.257.612.322	1.901.733.480	1.901.733.480
Phải thu ngắn hạn khác	3.179.023.162	3.179.023.162	2.763.448.514	2.763.448.514
Tài sản dài hạn khác	165.608.583	165.608.583		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
<b>Cộng</b>	<b>52.358.328.582</b>	<b>52.358.328.582</b>	<b>59.914.168.985</b>	<b>59.914.168.985</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	7.699.119.084	7.699.119.084	10.201.981.632	10.201.981.632
Phải trả người bán ngắn hạn	146.911.954.847	146.911.954.844	56.477.339.535	56.477.339.535
Chi phí phải trả ngắn hạn	15.165.279.026	15.165.279.026	64.157.915.986	64.157.915.986
Phải trả khác	39.169.007.583	39.169.007.583	37.614.259.745	37.614.259.745
<b>Cộng</b>	<b>208.945.360.537</b>	<b>208.945.360.537</b>	<b>168.451.496.898</b>	<b>168.451.496.898</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

## **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ và các Công ty trong cùng tập đoàn với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng)

### Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

### Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty không nhiều và được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp

### ***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Vay và nợ	2.199.169.755	5.070.577.398	429.371.931	7.699.119.084
Phải trả người bán ngắn hạn	146.911.954.844	-	-	146.911.954.844
Chi phí phải trả ngắn hạn	15.165.279.026	-	-	15.165.279.026
Phải trả ngắn hạn khác	18.508.686.166	20.660.321.417	-	39.169.007.583
<b>Cộng</b>	<b>182.785.089.791</b>	<b>25.730.898.815</b>	<b>429.371.931</b>	<b>208.945.360.537</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.747.754.515	-	-	45.747.754.515
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.257.612.322	-	-	3.257.612.322
Phải thu ngắn hạn khác	3.179.023.162	-	-	3.179.023.162
Tài sản dài hạn khác	165.608.583	-	-	165.608.583
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	-	8.330.000	-	8.330.000
<b>Cộng</b>	<b>52.349.998.582</b>	<b>8.330.000</b>	<b>-</b>	<b>52.358.328.582</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(130.435.091.209)</b>	<b>(25.722.568.815)</b>	<b>(429.371.931)</b>	<b>(156.587.031.955)</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	2.502.862.548	6.406.633.426	1.292.485.658	10.201.981.632
Phải trả người bán ngắn hạn	56.477.339.535	-	-	56.477.339.535
Chi phí phải trả ngắn hạn	64.157.915.986	-	-	64.157.915.986
Phải trả ngắn hạn khác	15.607.417.213	22.006.842.532	-	37.614.259.745
<b>Cộng</b>	<b>138.745.535.282</b>	<b>6.406.633.426</b>	<b>1.292.485.658</b>	<b>168.451.496.898</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.240.656.991	-	-	55.240.656.991
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.901.733.480	-	-	1.901.733.480
Phải thu ngắn hạn khác	2.763.448.514	-	-	2.763.448.514
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	-	8.330.000	-	8.330.000
<b>Cộng</b>	<b>59.905.838.985</b>	<b>8.330.000</b>	<b>-</b>	<b>59.914.168.985</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(78.839.696.297)</b>	<b>(6.398.303.426)</b>	<b>(1.292.485.658)</b>	<b>(108.537.327.913)</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

#### 4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2017



  
LÊ TRỌNG HIẾU  
Giám đốc

  
LẠI THỊ THU  
Kế toán trưởng

  
VŨ THỊ NHƯ QUỲNH  
Người lập biểu